

79/Đ137

Hộp Cadirovib 200: 105 x 30 x45mm

Rx Thuốc bán theo đơn  CADIROVIB Acyclovir 200mg 5 vỉ x 10 viên nén WHO-GMP		CADIROVIB Acyclovir 200mg
Thành phần: Mỗi viên nén chứa: Acyclovir.....200mg Tá dược v.d.....1 viên. Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng: Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp. <i>Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.</i>	Bảo quản: Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất. Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP HCM	
Rx Prescription drug  CADIROVIB Acyclovir 200mg 5 blisters x 10 tablets WHO-GMP		
SDK (Reg. No.): Số lô SX (Batch No.): Ngày SX (Mfd): HD (Exp):	Composition: Each tablet contains: Acyclovir.....200mg Excipients q.s.....1 tablet. Indications, contra-indications, dosage: Please refer to enclosed package insert. <i>Keep out of reach of children. Read the package insert carefully before use.</i>	Storage: In a dry and cool place, below 30°C, protect from direct sunlight. Specification: Manufacturer. Manufacturer: CAN GIO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY Lot B1 - 10, D2 Street, Tay Bac Cu Chi Industrial Zone, HCMC

Vỉ Cadirovib 200: 102 x 42mm

Acyclovir 200mg No.): CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ CADIROVIB Acyclovir 200mg SDK (Reg. No.): CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ NT STOCK COMPANY	Acyclovir 200mg SDK (Reg. No.): CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ Acyclovir 200mg SDK (Reg. No.): CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ Acyclovir 200mg SDK (Reg. No.): CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ
--	--



DS. Trần Ngọc Lan Trang

Rx Thuốc bán theo đơn



CADIROVIB

Viên nén Acyclovir 200mg

Thành phần

Mỗi viên nén chứa:

Acyclovir 200mg

Tá dược: Tinh bột ngô, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30, Microcrystallin cellulose M101, Natri starch glycolate, Aerosil, Magnesi stearat.

Phân loại

Acyclovir là hoạt chất thuộc nhóm thuốc kháng virus.

Dược lý và cơ chế tác dụng

Aciclovir là một chất tương tự nucleosid (acycloguanosin), có tác dụng chọn lọc trên tế bào nhiễm virus *Herpes*. Để có tác dụng aciclovir phải được phosphoryl hóa thành dạng có hoạt tính là aciclovir triphosphat. Ở chạng đầu, aciclovir được chuyển thành aciclovir monophosphat nhờ enzym của virus là thymidinkinase, sau đó chuyển tiếp thành aciclovir diphosphat và triphosphat bởi một số enzym khác của tế bào. Aciclovir triphosphat ức chế tổng hợp DNA của virus và sự nhân lên của virus mà không ảnh hưởng gì đến chuyển hóa của tế bào bình thường. Tác dụng của aciclovir mạnh nhất trên virus *Herpes simplex* typ 1 (HSV - 1) và kém hơn ở virus *Herpes simplex* typ 2 (HSV - 2), virus *Varicella zoster* (VZV), tác dụng yếu nhất trên cytomegalovirus (CMV).

Dược động học

Khả dụng sinh học theo đường uống của aciclovir khoảng 20% (15 - 30%). Thức ăn không làm ảnh hưởng đến hấp thu của thuốc. Aciclovir phân bố rộng trong dịch cơ thể và các cơ quan như: Não, thận, phổi, ruột, gan, lách, cơ, tử cung, niêm mạc và dịch âm đạo, nước mắt, thủy dịch, tinh dịch, dịch não tủy. Liên kết với protein thấp (9 - 33%). Thời gian đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương: Nồng độ đỉnh trong huyết thanh: Uống từ 1,5 - 2 giờ. Nửa đời sinh học của thuốc ở người lớn khoảng 3 giờ, ở trẻ em từ 2 - 3 giờ, ở trẻ sơ sinh 4 giờ. Một lượng nhỏ thuốc được chuyển hóa ở gan, còn phần lớn (30 - 90% liều) được đào thải qua thận dưới dạng không biến đổi.

Chỉ định

Điều trị khởi đầu và dự phòng tái nhiễm virus *Herpes simplex* typ 1 và 2 ở da và niêm mạc, viêm não *Herpes simplex*.

Điều trị nhiễm *Herpes zoster* (bệnh zona) cấp tính, Zona mắt, viêm phổi do *Herpes zoster* ở người lớn.

Điều trị nhiễm khởi đầu và tái phát nhiễm *Herpes* sinh dục.

Thủy đậu xuất huyết, thủy đậu ở người suy giảm miễn dịch, thủy đậu ở trẻ sơ sinh.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.

Liều lượng và cách dùng

Điều trị bằng Acyclovir phải được bắt đầu càng sớm càng tốt khi có dấu hiệu và triệu chứng của bệnh.

Điều trị do nhiễm *Herpes simplex*.

Người lớn: Mỗi lần 200 mg (400 mg ở người suy giảm miễn dịch), ngày 5 lần, cách nhau 4 giờ, dùng trong 5 - 10 ngày.

Trẻ em dưới 2 tuổi: Nửa liều người lớn. Trẻ em trên 2 tuổi: Bằng liều người lớn.

Phòng tái phát *herpes simplex* cho người bệnh suy giảm miễn dịch, người ghép cơ quan dùng thuốc giảm miễn dịch, người nhiễm HIV, người dùng hóa liệu pháp: Mỗi lần 200 - 400 mg, ngày 4 lần.

Trẻ em dưới 2 tuổi: Dùng nửa liều người lớn. Trẻ em trên 2 tuổi: Bằng liều người lớn.

Điều trị thủy đậu và zona.

Người lớn: Mỗi lần 800 mg, ngày 5 lần, trong 7 ngày.

Trẻ em: Bệnh *varicella*, mỗi lần 20 mg/kg thể trọng (tối đa 800 mg) ngày 4 lần trong 5 ngày hoặc trẻ em dưới 2 tuổi mỗi lần 200 mg, ngày 4 lần; 2 - 5 tuổi mỗi lần 400 mg ngày 4 lần; trẻ em trên 6 tuổi mỗi lần 800 mg, ngày 4 lần.

Với người bệnh suy thận:

Bệnh nhiễm HSV hoặc *Varicella zoster*, liều như đối với người bình thường, song cần lưu ý:

- Độ thanh thải creatinin 10 - 25 ml/phút: Cách 8 giờ uống 1 lần.
- Độ thanh thải creatinin dưới 10 ml/phút: Cách 12 giờ uống 1 lần.

Chống chỉ định :



Nhiễm khuẩn nặng, trừ sốc nhiễm khuẩn và lao màng não.

Thận trọng

Thận trọng với người suy thận, liều dùng phải điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin.

Cần cho đủ nước. Nguy cơ suy thận tăng lên, nếu dùng đồng thời với các thuốc độc với thận.

Phụ nữ mang thai

Chỉ nên dùng aciclovir cho người mang thai khi lợi ích điều trị hơn hẳn rủi ro có thể xảy ra với bào thai.

Phụ nữ cho con bú

Thuốc được bài tiết qua sữa mẹ khi dùng đường uống. Nên thận trọng khi dùng thuốc đối với người cho con bú.

Lái xe và vận hành máy móc: Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc khi sử dụng cho người lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác thuốc

Dùng đồng thời zidovudin và aciclovir có thể gây trạng thái ngủ lịm và lơ mơ.

Probenecid ức chế cạnh tranh đào thải aciclovir qua ống thận, nên tăng tới 40% và giảm thải trừ qua nước tiểu và độ thanh thải của aciclovir.

Amphotericin B và ketoconazol làm tăng hiệu lực chống virus của aciclovir.

Interferon làm tăng tác dụng chống virus *in vitro* của aciclovir. Thận trọng khi dùng thuốc tiêm aciclovir cho người bệnh trước đây đã có phản ứng về thần kinh với interferon.

Dùng aciclovir tiêm phải thận trọng với người bệnh đã có phản ứng về thần kinh khi dùng methotrexat.

Tác dụng phụ

Dùng ngắn hạn, có thể gặp buồn nôn, nôn.

Dùng dài hạn (1 năm) có thể gặp buồn nôn, nôn, ỉa chảy, đau bụng, ban, nhức đầu (< 5% người bệnh).

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng: Có kết tủa trong ống thận khi nồng độ trong ống thận vượt quá độ hòa tan 2,5 mg/ml, hoặc khi creatinin huyết thanh cao, suy thận, trạng thái kích thích, bồn chồn, run, co giật, đánh trống ngực, cao huyết áp, khó tiểu tiện.

Điều trị: Thẩm tách máu người bệnh cho đến khi chức năng thận phục hồi, ngừng thuốc, cho truyền nước và điện giải.

Dạng trình bày

Hộp 5 vỉ, mỗi vỉ 10 viên nén

Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn cơ sở.

Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản

Bảo quản thuốc ở nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng,

Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Nhà sản xuất

Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ (Cagipharm)

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại 08 38230108



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh